

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 113/2023/HNGĐ-ST

Ngày 23 tháng 8 năm 2023

V/v “Tranh chấp Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Xuân Bích

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Hoàng Tiến

2. Ông Trần Thành Hiệp

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trương Thị Hồng Cẩm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Minh Quang – Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 179/2023/TLST-HNGĐ ngày 7/6/2023 về việc “*tranh chấp Ly hôn, nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 157/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 132/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27/7/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị Thúy K, sinh năm 1994. Có mặt

Địa chỉ: tổ D, ấp H, xã H, huyện C, tỉnh An Giang

- Bị đơn: Anh Nguyễn B, sinh năm 1994. Vắng mặt

Địa chỉ: tổ G, ấp H, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/5/2023 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Phan Thị Thúy K trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh B tự nguyện tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn ngày 29/7/2016 tại UBND xã H, huyện C, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn anh chị phát sinh mâu thuẫn do anh B chơi bời, không lo làm ăn, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi, đến tháng 3/2022 chị và anh B sống ly thân. Nay yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn B do nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc.

- Về con chung: có 01 con chung: Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 27/4/2014. Hiện con chung sống với anh B, nên chị đề cho ông B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Chị không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị K có ý kiến vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện

Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn B mặc dù đã được tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với các yêu cầu của chị Phan Thị Thúy K. Tại phiên tòa, anh B tiếp tục vắng mặt không có lý do.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của đương sự và đề xuất việc giải quyết vụ án như sau:*

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý giải quyết đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Văn bản tố tụng tổng đạt đúng quy định tại Điều 175, 177, 179 BLTTDS. Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ đúng quy định của BLTTDS về xét xử vụ án.

- Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị Thúy K theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: chị K và anh Nguyễn B có 01 con chung là Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 27/4/2014. Hiện con chung sống với anh B, bản thân cháu N cũng có nguyện vọng được chung sống với anh B, chị K đồng ý để con chung cho anh B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: do không có yêu cầu nên không yêu cầu giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Phan Thị Thúy K yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn B, tranh chấp giữa chị Phan Thị Thúy K và anh Nguyễn B là tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Nguyễn B có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại tổ G, ấp H, xã H, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Toàn bộ quá trình tố tụng giải quyết vụ án mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng anh B không thực hiện quyền cũng như không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự, không có yêu cầu Tòa án giải quyết, không tranh chấp các vấn đề có liên quan trong vụ án, nên Hội đồng xét xử không xét đến. Căn cứ Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn B.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị K và anh B tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 29/7/2016 tại UBND xã H, huyện C, tỉnh An Giang, nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến yêu cầu ly hôn theo chị K trình bày do anh B chơi bời, không lo làm ăn, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi, đến tháng 3/2022 chị và anh B sống ly thân cho đến nay. Do đó, nay chị nhận thấy không thể hàn gắn, nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc nên chị yêu cầu ly hôn anh B.

[2.2]. Hội đồng xét xử xét thấy, trong quan hệ hôn nhân vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, tin tưởng nhau và chia sẻ những khó khăn để vượt qua thử thách, đây là cơ sở vững chắc để bồi đắp cho hôn nhân, cho gia đình hạnh phúc. Giữa nguyên đơn, bị đơn tiến đến hôn nhân xuất phát từ tình cảm yêu thương nhưng khi đã thành vợ chồng thì cả hai không xây dựng gia đình hạnh phúc. Mặc dù được hòa giải, động viên nhưng chị K không đồng ý tạo thêm cơ hội hàn gắn mà vẫn kiên quyết ly hôn.

Anh Nguyễn B mặc dù biết chị K xin ly hôn nhưng không gửi cho tòa án văn bản trình bày ý kiến qua yêu cầu khởi kiện của chị K, cũng không đến tham gia hòa giải để vợ chồng có thể hàn gắn. Như vậy, cho thấy anh B đã từ chối quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của bị đơn. Do đó, xét thấy mâu thuẫn giữa anh chị trong cuộc sống hôn nhân đã kéo dài một thời gian, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Điều đó chứng tỏ hôn nhân của anh chị đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nếu tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phan Thị Thúy K.

[2.3]. Về con chung: Anh chị có một con chung: Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 27/4/2014. Hiện con chung sống với anh B, bản thân cháu N cũng có nguyện vọng được chung sống với anh B. Do đó chị K để cho anh B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Xét thấy, để ổn định về mọi mặt của cháu N, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận giao quyền cho anh B được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, theo quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.4]. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị K có ý kiến chị không cấp dưỡng nuôi con vì thực tế chị vẫn tới lui thường xuyên lo cho cháu đầy đủ.

Xét, theo quy định của pháp luật, bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho bên nuôi. Chị K cho rằng chị không cấp dưỡng nuôi con, trên thực tế chị vẫn tới lui chăm sóc, nuôi dạy cháu, chỉ là cho cháu được sống với anh B do dễ thuận tiện cho giờ giấc sinh hoạt, học hành. Phía bị đơn anh B không đến Tòa án, không có ý kiến về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Nguyễn B cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở chị Phan Thị Thúy K trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Việc nuôi con không cố định.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3]. Về tài sản chung và nợ chung: Chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung, phía bị đơn anh B vắng mặt không gửi ý kiến, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nếu sau này chị K và anh B có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[4]. Về án phí sơ thẩm: Chị Phan Thị Thúy K phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Phan Thị Thúy K được ly hôn với anh Nguyễn B.

2. Về con chung: Chị Phan Thị Thúy K và anh Nguyễn B có 01 (một) con chung tên Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 27/4/2014.

Anh Nguyễn B được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Hoàng Nhật, sinh ngày 27/4/2014.

Chị Phan Thị Thúy K không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do anh Nguyễn B không có yêu cầu.

Anh Nguyễn B cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở chị Phan Thị Thúy K trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Việc nuôi con không cố định.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Phan Thị Thúy K phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004326 ngày 07/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Chị K đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Phan Thị Thúy K được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn B được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự “Đề thi hành”;
- VKSND.H Châu Thành
- TAND.tỉnh An Giang;
- Lưu: hồ sơ;VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Thị Xuân Bích**